

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2022/DSST
Ngày: 20-4-2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liê

2. Bà Trương Thị Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Nam Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã

A

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông
Luu Công Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 60/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm
2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 869/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Bích O, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 25 đường L, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình
Định

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 20/11 đường L, khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh Bình
Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Bích O trình bày:* Ngày 30/02/2017 âm lịch bà Nguyễn Thị K đến nhà bà vay số tiền 85.000.000đ, không xác định thời hạn vay khi nào bà cần tiền thì báo trước cho bà K khoảng 1-2 tháng, lãi suất thỏa thuận là 200.000đ/10.000.000đ/tháng, bà K trực tiếp viết giấy mượn tiền. Lúc đó bà và bà K chỉ thỏa thuận miệng tiền lãi chứ không có viết giấy tờ. Sau khi vay tiền thì bà K có trả cho bà 2 tháng tiền lãi và mỗi lần

nhận tiền lãi thì bà đều có viết giấy nhận tiền giao cho bà K giữ, còn tiền vay gốc thì bà K chưa trả cho bà khoản nào.

Bà xác định bà K còn nợ bà số tiền vay gốc là 85.000.000đ, bà yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả một lần số tiền vay gốc 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng); tại phiên tòa bà rút yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà K trả tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị K trình bày:* Khoảng năm 2013 - 2014 bà có vay tiền bà O 03 lần cụ thể:

- Lần 1: Không nhớ ngày tháng vay số tiền 10.000.000đ, tiền lãi thỏa thuận là 5.000đ/1.000.000đ/ngày, bà O trừ trước tiền lãi 500.000đ nên bà thực nhận tiền vay gốc là 9.500.000đ, thỏa thuận thời hạn vay trong 10 ngày. Đến 10 ngày sau bà đem trả cho bà O số tiền 10.000.000đ và sau đó bà vay lại số tiền 10.000.000đ thì bà O tiếp tục trừ trước tiền lãi 500.000đ nên bà thực nhận là 9.500.000đ. Đến khoảng tháng 11 năm 2014 thì việc làm ăn buôn bán đồ bể nên bà ngưng không trả lãi nữa. Hai bên thỏa thuận lãi chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ, khoản vay này bà có viết giấy nợ cho bà O.

- Lần 2: Không nhớ ngày tháng bà vay thêm số tiền 10.000.000đ và bà O cũng trừ trước tiền lãi 500.000đ, bà thực nhận 9.500.000đ, hai bên thỏa thuận tính tiền lãi ngày là 5.000đ/1.000.000đ/ngày, khoản vay này bà cũng trả lãi đến tháng 11 năm 2014 thì ngưng không trả lãi nữa, tiền lãi chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ, khoản vay này bà có viết giấy nợ cho bà O.

- Lần 3: Không nhớ ngày tháng bà tiếp tục vay số tiền 10.000.000đ, thỏa thuận tính tiền lãi ngày là 5.000đ/1.000.000đ/ngày, hai bên thỏa thuận lãi chỉ nói miệng chứ không viết giấy tờ; khi nhận tiền vay gốc thì bà O trừ trước tiền lãi 500.000đ nên thực nhận 9.500.000đ. Khoản vay này bà cũng trả lãi đến tháng 11 năm 2014 thì ngưng không trả lãi nữa, khoản vay này bà có viết giấy nợ cho bà O.

Tổng cộng số tiền vay gốc là 30.000.000đ, bà đã trả tiền lãi cho bà O trong 2 năm tổng cộng số tiền lãi là 90.000.000đ, bà không nhớ từng lần trả tiền lãi cụ thể cho khoản tiền vay gốc nào; bà O nhận tiền lãi không viết giấy tờ và khi bà trả tiền lãi cho bà O cũng không có ai chứng kiến. Tiền gốc bà cũng chưa trả khoản nào,

Đến ngày 30/02/2017 âm lịch bà O kêu bà đến nhà bà O đối chiếu cộng tiền gốc và tiền lãi tổng cộng nợ số tiền 85.000.000đ và buộc bà viết giấy mượn tiền số tiền 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng), vì sợ chồng biết đang nợ nần nên bà đã viết giấy nợ số tiền 85.000.000đ chứ bà không có lần nào vay của bà O số tiền 85.000.000đ. Từ sau ngày chốt nợ đến nay thì bà không trả tiền lãi cho bà O nữa.

Bà xác định chỉ nợ bà O số tiền vay gốc là 30.000.000đ nên đồng ý trả số

tiền 30.000.000đ và xin trả dần mỗi tháng 300.000đ cho đến khi hết nợ, đối với số tiền lãi 90.000.000đ bà đã trả thì yêu cầu xem xét lại theo mức lãi suất của pháp luật, số tiền bà trả thừa thì trừ vào tiền vay gốc. Tại phiên tòa, bà xác định không có khả năng trả nợ nên không đồng ý trả tiền cho bà O.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 217 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 463, 466 Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Bích O, buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả một lần cho bà O số tiền vay gốc 85.000.000đ.
2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất của bà Võ Thị Bích O
3. Bác yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu xem xét lại lãi suất đã trả trước đó.
4. Về án phí: Giải quyết theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Võ Thị Bích O khởi kiện bà Nguyễn Thị K yêu cầu trả tiền vay phát sinh từ giao dịch vay tiền nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định số tiền vay gốc: Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Bích O khai vào ngày 30/02/2017 âm lịch, bà Nguyễn Thị K vay số tiền 85.000.000đ nhưng không xác định thời hạn vay. Ngược lại bà Nguyễn Thị K xác nhận có vay tiền của bà O nhưng không phải số tiền 85.000.000đ mà bà vay 3 lần mỗi lần 10.000.000đ tổng cộng số tiền vay gốc là 30.000.000đ. Đến ngày 30/02/2017 âm lịch bà O tính tiền gốc, lãi còn nợ tổng cộng số tiền 85.000.000đ và ép bà viết giấy nợ số tiền 85.000.000đ chứ bà không có lần nào vay số tiền 85.000.000đ. Xét lời trình bày của các bên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình làm

việc, đối chất, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa bà K xác định chữ viết, chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 30/2/2017 âm lịch chính là chữ viết, chữ ký của bà. Trong giấy này bà K ghi rõ “*vợ chồng tôi có mượn chị Oanh số tiền là 85.000.000đ*” chứ không phải giấy nợ tiền và trong giấy này cũng không ghi cụ thể số tiền nợ gốc, lãi. Hơn nữa, bà K không có chứng cứ chứng minh giấy mượn tiền do bà viết ngày 30/02/2017 âm lịch ghi số tiền mượn 85.000.000đ là do bị bà O ép buộc nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó có cơ sở xác định vào ngày 30/02/2017 âm lịch bà Nguyễn Thị K có xác lập giao dịch vay số tiền 85.000.000đ của bà Võ Thị Bích O theo hình thức vay không kỳ hạn và có lãi, do bà K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên bà O khởi kiện yêu cầu bà K trả nợ là có căn cứ chấp nhận. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà K thừa nhận chưa trả khoản tiền vay gốc nào nên xác định bà K hiện còn nợ bà O số tiền vay gốc là 85.000.000đ.

[2.2] Xác định số tiền lãi đã trả: Bà O xác định mức lãi suất cho vay là 200.000đ/1.000.000đ/tháng, quá trình vay bà K chỉ trả 2 tháng tiền lãi còn bà K xác định mức lãi suất cho vay là lãi suất ngày (5%/ngày), bà đã trả tiền lãi cho bà O khoảng 90.000.000đ nên có yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định của pháp luật, số tiền còn thừa thì trừ vào tiền vay gốc. Tuy nhiên bà O không thừa nhận có nhận tiền lãi của bà K là 90.000.000đ, bà K cũng không giải thích được trong số tiền lãi 90.000.000đ trả cho bà O thì số tiền tiền lãi cụ thể, thời gian trả của từng khoản vay nào và bà K cũng không có chứng cứ chứng minh bà O đã nhận tiền lãi 90.000.000đ nên không có căn cứ chấp nhận lời khai của bà K.

[2.3] Tại phiên tòa bà O rút yêu cầu tính lãi, không yêu cầu bà K trả tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi của bà O.

[2.4] Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa bà K, bà O cùng xác định khoản vay trên do cá nhân bà K trực tiếp thực hiện giao dịch vay tiền với bà O nên chỉ yêu cầu cá nhân bà K trả nợ, căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả bà Võ Thị Bích O số tiền vay gốc là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).

[2.5] Tại phiên tòa, bà K xác định không có khả năng trả nợ nên không đồng ý trả nợ cho bà O là không có căn cứ chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000đ [cách tính: (85.000.000đ x 5%)]. Bà Võ Thị Bích O không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí là 2.125.000đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005053 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị

xã A.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích O.
2. Buộc bà Nguyễn Thị K có trách nhiệm trả bà Võ Thị Bích O số tiền vay gốc là 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng).
3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử của bà Võ Thị Bích O, do bà O rút yêu cầu.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm:
 - 4.1. Bà Nguyễn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.250.000đ (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
 - 4.2. Hoàn trả cho bà Võ Thị Bích O số tiền tạm ứng án phí là 2.125.000đ (hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005053 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã A.
5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.
6. Quyền, nghĩa vụ thi hành án:
 - 6.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.
 - 6.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. A
- Chi cục THA TX. A
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Lệ

